TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST
Ngµy: 04/9/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Trường Sơn;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/03/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Hương Q, sinh năm 1991
Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1990
Đều ĐKHKTT: thôn Ngọc C, xã Chí Đ, Huyên Đoan H, tỉnh P.
Anh H hiện đang lao động tại Liên bang X.
(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1964;
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Đều ĐKHKTT: thôn Ngọc C, xã Chí Đ, Hện Đoan H, tỉnh P.
(Ông S, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vi Thị Hương Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 13/10/2010 được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống và làm ăn cùng bố mẹ đẻ anh H tại xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P. Cuộc sống vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống giữa mẹ chồng và

con dâu, do anh H có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn khác. Đến tháng 2 năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, Huyện B, tỉnh P sinh sống. Hiện tại anh H đang xuất khẩu lao động tại Liên bang X, thỉnh thoảng chị và anh H có liên lạc với nhau nhưng anh H không cung cấp địa chỉ của anh H tại nước ngoài cho chị nên chị không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Liên bang X cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Q xác định vợ chồng có 03 con chung là: cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 09/5/2011, cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 22/8/2012 và cháu Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 23/11/2015. Hiện tại cháu L2 và cháu H1 đang sinh sống và ăn học cùng bố mẹ đẻ của anh H là ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị L, chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2. Khi ly hôn chị nhất trí để cháu L2 và cháu H1 tiếp tục ở cùng ông S, bà L để thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập của các cháu. Chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2 đến khi cháu H2 thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị Q không biết địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Thời gian đầu chị và anh H thỉnh thoảng liên lạc với nhau nhưng để nói cHện với con và hỏi thăm sức khỏe của gia đình. Anh H không cho chị Q biết địa chỉ cụ thể tại Liên bang X nên chị Q không cung cấp địa chỉ của anh H tại Liên bang X cho Tòa án được. Chị Q đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh H tại Liên bang X thông qua bố mẹ đẻ của anh H là ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại: thôn Ngọc C, xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P.

Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Khắc S là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân H. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2020 (BL 32) và ngày 28/7/2020 (BL 35) ông Nguyễn Khắc S cung cấp: Anh Nguyễn Xuân H và chị Vi Thị Hương Q L kết hôn với nhau ngày 13/10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2018 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khoảng tháng 2 năm 2020 chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, Huyện B, tỉnh P ở từ đó cho đến nay không về nhà ông lần nào nữa. Hiện tại anh H đang đi xuất khẩu lao động tại Liên bang X. Gia đình ông đã thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H, qua trao đổi anh H cũng nhất trí ly hôn với chị Q do tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa. Anh H thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng chỉ hỏi thăm sức khỏe của gia đình và các con. Anh H không cung cấp địa chỉ của anh H tại Liên bang X nên gia đình ông không cung cấp được địa chỉ của anh H cho Tòa án. Anh H và chị Q có 03 con chung là: cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 09/5/2011, cháu Nguyễn H H1, sinh ngày 22/8/2012 và cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 23/11/2015. Hiện nay cháu L2 và cháu H1 đang sinh sống và học tập cùng gia đình ông. Anh H nhất trí tạm giao hai cháu L2 và cháu H1 cho gia đình ông chăm sóc nuôi dưỡng để thuận tiện cho việc sinh sống và ăn học cho đến khi anh H trở về Việt Nam thì anh sẽ trực tiếp nuôi cháu L2 và cháu H1. Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 cho đến

khi cháu H2 thành niên. Anh H không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án cho chị Vi Thị Hương Q được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 09/5/2011, cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 22/8/2012 cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm giao cháu L2 và cháu H1 cho ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh H ở nước ngoài. Giao cháu Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 23/11/2015 cho chị Vi Thị Hương Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị Hương Q nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Xuân H tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn xin ly hôn, chị Q trình bày hiện anh H đang sống và làm việc tại Liên bang X. Theo thông tin do Cục xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp tại Công văn số 4610/QLXNC-P5 ngày 06/4/2020 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thể hiện: anh Nguyễn Xuân H, sinh ngày 29/01/1990, khai địa chỉ ở Ngọc Chúc 1, xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 16/4/2019. Hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Hương Q và anh Nguyễn Xuân H được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 13/10/2010 tại UBND xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do anh H ở nước ngoài, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Anh Nguyễn Xuân H hiện đang ở nước ngoài, chị Vi Thị Hương Q chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Nguyễn Xuân H, không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài cho Tòa án. Ông Nguyễn Khắc S là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân H xác nhận anh H hiện đang ở Liên bang X, anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể tại X nên ông không cung cấp được địa chỉ của anh H tại X cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây

thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn của chị Q và anh H là trầm trọng và kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hộng đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lệ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Vi Thị Hương Q xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 09/5/2011, cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 22/8/2012 và cháu Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 23/11/2015. Hiện nay cháu L2 và cháu H1 đang ở cùng bố mẹ đẻ anh H là ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị L tại thôn Ngọc C, xã Chí Đ, Huyện Đoan H, tỉnh P. Cháu H2 đang ở cùng chị Q do chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Q, anh H, ông S, bà L đều nhất trí tạm giao cháu L2, cháu H1 cho ông bà nội là ông S, bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến khi anh H về Việt Nam. Nguyện vọng của chị Q, anh H, ông S, bà L hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu L2 và cháu H1 đều muốn được ở cùng với bố và ông bà nội. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của các bên là phù hợp. Cháu Nguyễn Hoàng H2 còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển, chị Q cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu H2 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tế của chị Q. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do ông S, bà L, anh H không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị Vi Thị Hương Q không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vi Thị Hương Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:`

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị Hương Q được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 09/5/2011, cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 22/8/2012 cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm giao cháu L2 và cháu H1 cho ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh H ở nước ngoài. Giao cháu Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 23/11/2015 cho chị Vi Thị Hương Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị Vi Thị Hương Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Xuân H.

Chị Vị Thị Hương Q và anh Nguyễn Xuân H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vi Thị Hương Q phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0004088 ngày 10/03/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Anh Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận
- VKSND Tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+AV:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trường Sơn